

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Nga.

2. Ông Võ Văn Bằng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST-HN ngày 31 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HN ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc Y**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 104B, ấp MH, xã BP, thành phố B, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh **Hồ Bửu Kh**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp HQ, xã HT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Y trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị và anh Hồ Bửu Kh được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới đến năm 2013 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã MT, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 19/2013 ngày 15-8-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, anh Kh không quan tâm đến vợ con. Chị đã cho anh Kh nhiều cơ hội nhưng anh Kh không thay đổi. Từ tháng 5-2020, chị và anh Kh ly thân cho đến nay, hiện tại chị đang sống bên nhà mẹ ruột tại xã BP, thành phố B. Nay tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Hồ Bửu Kh.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung giữa chị Y và anh Kh có một con chung Hồ Bửu Ngh, sinh ngày 03-7-2013, con chung đang sống cùng chị Y. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị Y không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Hồ Bửu Kh:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh Kh vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Y tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Hồ Bửu Kh, địa chỉ: ấp HQ, xã HT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hồ Bửu Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị Bùi Thị Ngọc Y và anh Hồ Bửu Kh được sự tác hợp của hai bên gia đình đến năm 2013 đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã MT, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Kh là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh Kh không chăm lo cho vợ con. Anh chị ly thân từ tháng 5-2020 đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng như không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Kh không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến; nay chị Y xin ly hôn do không còn tình cảm với anh Kh, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc Y.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có một con chung Hồ Bửu Ngh, sinh ngày 03-7-2013. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Y, chị có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Bửu Ngh đang sống ổn định cùng chị Y. Chị Y có chỗ ở ổn định và có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, cháu Bửu Ngh có nguyện vọng sống cùng chị Y, nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cháu Ngh. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao con chung

Hồ Bửu Ngh cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc Y phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc Y và anh Hồ Bửu Kh.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Bửu Ngh, sinh ngày 03-7-2013 cho chị Bùi Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hồ Bửu Kh được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hồ Bửu Kh chưa phải đóng góp nuôi con chung do chị Bùi Thị Ngọc Y chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20957 ngày 24-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Y đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Y, anh Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã BP, thành phố B, tỉnh Bến

Tre;

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền